

Số: 2216 /HD-SNN

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2007

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI VỊT, NGAN

Căn cứ Cẩm nang chăn nuôi gia súc, gia cầm của Nhà xuất bản Nông nghiệp năm 2001;

Căn cứ Sổ tay chăn nuôi gia cầm bền vững của Hiệp hội chăn nuôi gia cầm xuất bản năm 2007;

Căn cứ Hướng dẫn số 366/TY-KD ngày 19/3/2007 của Cục Thú y Hướng dẫn vệ sinh thú y đối với chăn nuôi, bảo quản trứng, ấp trứng và vận chuyển thúy cầm, trứng thúy cầm.

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi vịt, ngan như sau:

I. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG VỊT, NGAN

1. Giống vịt chuyên thịt

a) Giống vịt CV. Super M, M2, M2 cải tiến

Vịt CV. Super M, M2, M2 cải tiến có nguồn gốc từ nước Anh nhập vào Việt Nam từ những năm 1990, là giống vịt có thể nuôi trên khô hoặc nuôi kết hợp cá - vịt. Lông màu trắng, mỏ và chân màu vàng, ngực nở và sâu.

b) Giống vịt M14

Vịt M14 có nguồn gốc từ nước Pháp nhập vào Việt Nam năm 2005, có thể nuôi nhốt hoặc kết hợp với chăn thả có khoanh vùng. Lông màu trắng, mỏ và chân màu vàng.

2. Giống vịt chuyên trứng

a) Giống vịt Cỏ

Là giống vịt nội được nuôi phổ biến ở nhiều vùng của Việt Nam. Con mái màu lông chủ yếu là cánh sẻ, ngoài ra còn có màu xám, lang trắng đen, đen, trắng tuyền; mỏ và chân màu vàng nhạt; con trống lông ở cổ màu xanh đen, mỏ vàng xanh.

b) Giống vịt Khaki Campbell

Vịt Khaki Campbell có nguồn gốc từ nước Anh, có thể nuôi thâm canh hoặc bán thâm canh, nuôi trên khô, nuôi kết hợp cá - vịt, cá - lúa - vịt, lúa - vịt hoặc nuôi trên vườn cây, vườn đồi. Vịt Khaki Campbell có màu lông Ka - ki, chân và mỏ màu xám, đầu và cổ màu đen.

c) Giống vịt CV 2000

Vịt CV 2000 có nguồn gốc từ nước Anh, có thể nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi trên khô, nuôi kết hợp cá - vịt, cá - lúa - vịt, lúa - vịt hoặc nuôi trên vườn cây, vườn đồi. Vịt CV 2000 có màu lông trắng tuyền, mỏ và chân màu vàng nhạt.

d) Giống vịt STAR 13

Vịt STAR 13 có nguồn gốc từ nước Pháp. Lông màu trắng, mỏ và chân màu vàng nhạt.

3. Giống vịt kiêm dụng (nuôi lấy thịt và lấy trứng)

a) Giống vịt Bầu

Vịt Bầu có nguồn gốc từ chợ Bến tỉnh Hoà Bình (vịt bầu Bến) và Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An (vịt bầu Quỳnh), thích ứng với các điều kiện nuôi cổ truyền và nuôi thâm canh. Mỏ, chân, da màu vàng nhạt; con mái màu lông chủ yếu là cánh sẻ, ngoài ra còn có màu xám, lang trắng đen, đen trắng tuyền; con trống lông ở cổ màu xanh đen.

b) Giống vịt dóm (Pất lòi)

Vịt dóm là giống vịt nội có nguồn gốc ở tỉnh Lạng Sơn, thích ứng với các điều kiện nuôi cổ truyền và nuôi thâm canh. Lông màu cánh sẻ con mái sáng màu, con trống sẫm màu.

* Ngoài các giống vịt kể trên còn có một số giống vịt nội như vịt Mốc, vịt Ô Môn, vịt Kỳ Lừa... Tuy nhiên đây những giống vịt này có số lượng đàn ít và chưa phải là những giống phù hợp với yêu cầu sản xuất hàng hoá hiện nay.

4. Giống Ngan

a) Ngan Pháp

Ngan pháp có nguồn gốc từ nước Pháp, hiện có 03 dòng R31, R51, R71.

- Giống ngan R31: ngan R31 nhập về Việt Nam năm 1992, lông màu lang trắng đen, cổ trắng, mỏ và chân xám.

- Giống ngan R51: ngan R51 nhập về Việt Nam năm 2001, lông màu lang trắng đen, đốm đầu (ngan ông, bà đốm đầu màu nâu, ngan bố mẹ và thương phẩm đốm đầu màu đen và nâu hoặc trắng tuyền).

- Giống ngan R71: ngan R71 được nhập vào Việt Nam năm 2001, gồm 03 dòng: Dòng nhẹ cân, dòng trung bình, dòng nặng cân, lông màu trắng có đốm đầu.

b) Giống ngan nội

- Giống ngan trắng (còn gọi là ngan Ré): Lông màu trắng tuyền, có khả năng ấp trứng rất tốt.

- Giống ngan lang trắng đen (còn gọi là ngan Sen). Lông màu lang trắng đen, con mái ấp và nuôi con khéo.

- Giống ngan đen (còn gọi là ngan Trâu): màu lông đen, có tầm vóc to, thô dáng đi nặng nề.

(Một số chỉ tiêu tăng trọng và sinh sản của vịt, ngan tại phụ lục số 01)

II. PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI

Trong điều kiện chăn nuôi hiện nay cần khuyến khích phát triển chăn nuôi gia cầm tập trung quy với mô lớn nuôi theo phương pháp tự động hoá (công nghệ)

nghiệp) và bán tự động hoá (bán công nghiệp) giảm dần quy mô chăn nuôi nhỏ, lẻ, thả rông hoặc chạy đồng tự do. Từng bước đưa chăn nuôi gia cầm phát triển bền vững, an toàn dịch bệnh và bảo đảm vệ sinh thú y.

1. Chăn nuôi vịt, ngan công nghiệp

a) Chuồng trại

Cần xây dựng chuồng trại biệt lập với khu dân cư, cách xa khu đô thị, đường giao thông, khu công nghiệp, trường học, bệnh viện. Khu chăn nuôi phải có tường rào bao quanh, có hố khử trùng ở cổng ra, vào. Nên quy hoạch có vành đai an toàn, không nuôi chung với các loại gia súc, gia cầm khác.

Căn cứ vào quy mô đàn, loại vịt, ngan để có kế hoạch xây dựng diện tích chuồng trại cho thích hợp

Chuồng nuôi và dụng cụ phải cọ rửa sạch sẽ và được xử lý theo quy trình vệ sinh thú y, quét vôi đặc 40 %, khử trùng bằng formon 3 % từ 2 - 3 lần. Trước khi đưa vịt, ngan con về 1 - 2 ngày, phun khử trùng lần cuối cùng (đóng kín cửa để phun sau 5 giờ mới mở cửa ra). Sau mỗi chu kỳ nuôi nên để trống chuồng từ 15 - 20 ngày.

b) Dụng cụ, thiết bị chăn nuôi

Dụng cụ, thiết bị chăn nuôi bao gồm dụng cụ để vận chuyển thức ăn, hệ thống máng ăn, máng uống, rèm che, chụp sưởi, đồ bảo hộ, dụng cụ làm vệ sinh...

- Máng ăn: Dùng máng ăn tự động hoặc dùng máng tôn có kích thước 70 cm x 50 cm x 2,5 cm cho vịt, ngan dưới 3 tuần tuổi, sử dụng cho 70 - 100 con/máng. Từ tuần tuổi thứ 3 trở đi cho vịt, ngan ăn bằng máng tôn có kích thước 70 cm x 50 cm x 5 cm, sử dụng 50 - 70 con/máng.

- Máng uống: Chăn nuôi quy mô lớn có thể dùng máng uống tự động hoặc dùng máng uống thường nhưng phải phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng như sau:

Giai đoạn 1 - 2 tuần tuổi sử dụng máng uống tròn 2 lít.

Giai đoạn 3 - 12 tuần tuổi sử dụng máng uống tròn loại 5 lít dùng cho 20 - 30 con/máng đảm bảo cung cấp 0,3 - 0,5 lít nước/con/ngày.

Vịt, ngan hậu bị và sinh sản cho uống theo hệ thống máng uống (xây dựng máng nhỏ vệ sinh 2 - 3 lần/ngày) đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho ngan. Hàng ngày rửa thay mương nước 2 lần đảm bảo cho vịt, ngan cho ngan luôn được tắm nước sạch.

- Chụp sưởi: có thể dùng hệ thống lò sưởi hoặc bóng điện đảm bảo cung cấp đủ nhiệt cho đàn vịt, ngan con. Dùng bóng điện 75 W/1 quây (60 - 70 con). Mùa đông 2 bóng/1 quây.

- Rèm che: Dùng vải bạt, cốt ép hoặc phen che xung quanh chuồng nuôi ngan, vịt con để giữ nhiệt và tránh gió lùa.

- Chất độn chuồng: Chất độn chuồng phải đảm bảo khô, sạch, không ẩm mốc. Sử dụng chất độn bằng trấu, phoi bào hoặc cỏ, rơm, rạ khô băm nhỏ... phun thuốc sát trùng bằng chất độn formon 2 % hong khô trước khi đưa vào chuồng.

* Nhiệt độ, độ ẩm: Nhiệt độ thích hợp nhất với vịt, ngan đẻ là 16 - 24°C và ẩm độ là 60 - 70 %. Chuồng nuôi và ổ đẻ phải luôn thoáng, mát, khô ráo.

* Ánh sáng: Giai đoạn từ 9 tuần đến trước khi vịt, ngan đẻ 5 tuần đảm bảo thời gian chiếu sáng 12 giờ/ngày, sau đó mỗi tuần tăng 1 giờ cho tới khi đạt mức độ thời gian chiếu sáng 16 - 18 giờ/ngày. Cường độ chiếu sáng là 5W/m².

2. Chăn nuôi vịt, ngan trong nông hộ

a) Chuồng nuôi

Căn cứ vào quy mô đàn, phương thức chăn nuôi, loại vịt, ngan để có kế hoạch xây dựng chuồng trại cho thích hợp. Có thể xây bằng gạch với nền sàn hoặc xây dựng bằng vật liệu nhẹ hoặc làm sàn trên ao, hồ. Nếu nuôi trên bè phải quây gọn.

Chuồng nuôi phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, chuồng không bị mưa hắt, nắng chiếu vào ổ đẻ, chống được chuột, thú hoang. Chăn nuôi nông hộ làm chuồng phải cách biệt với nhà ở; chăn nuôi gia trại và trang trại làm chuồng phải cách biệt khu dân cư và các nơi công cộng, phải đảm bảo điều kiện thú y và vệ sinh an toàn sinh học.

Mật độ nuôi tùy thuộc vào giống, lứa tuổi phương thức chăn nuôi.

Bảng 1. Mật độ nuôi vịt, ngan cho từng phương thức chăn nuôi

Tuần tuổi, giai đoạn	Nuôi trên khô (con/m ²)			Nuôi có nước bơi lội (con/m ²)	
	Nhốt trong chuồng	Chuồng có sân chơi	Chuồng + vườn cây	Chuồng + nhốt trên sàn	Chuồng + nhốt trên ao có kiểm soát
Tuần đầu	30 - 35	30 - 35	30 - 35	30 - 35	30 - 35
2 - 4 tuần	10 - 15	15 - 20	15 - 20	15 - 20	15 - 20
5 - 8 tuần	5 - 6	6 - 8	8 - 10	8 - 10	8 - 10
Hậu bị	3	4 - 5	5 - 6	5 - 6	5 - 6
Sinh sản	3	4	4	4	4

Nuôi chăn thả hay bán chăn thả các giống vịt, ngan bản địa cần có diện tích sân bãi đủ rộng, chú ý phân đàn không đông quá để dễ chăm sóc, quản lý.

Nền chuồng có thể lát gạch, xi măng, cát.

Độn chuồng bằng trấu, phoi bào hoặc rơm rạ băm nhỏ nhưng không bị mốc. Thường xuyên thay hoặc bổ sung thêm chất độn chuồng làm cho chuồng luôn khô ráo, sạch sẽ, chuồng vịt, ngan sinh sản độn dày 10 - 15 cm. Nếu chăn nuôi với quy mô lớn cần ngăn chuồng thành các ô chuồng, mỗi ô nuôi tối đa 150 - 200 con.

Sân chơi: Diện tích sân chơi yêu cầu gấp hai lần diện tích chuồng nuôi, nếu không có diện tích chăn thả thì sân chơi gấp 3 lần diện tích trong chuồng. Sân chơi bằng phẳng, không đọng nước, đối với nuôi chăn thả trên vườn cây phải có quây nuôi vịt, ngan cố định, không được thả rông vịt, ngan.

b) Dụng cụ chăn nuôi

- Máng ăn: Tùy theo từng giai đoạn sinh trưởng mà bố trí máng ăn, máng uống cho phù hợp. Giai đoạn vịt, ngan 0 - 4 tuần tuổi: nên dùng máng ăn bằng tôn, mẹt tre hoặc tấm nilon. Diện tích máng ăn giai đoạn đầu (0 - 4 tuần tuổi) 1,6 cm²/con. Giai đoạn sau (trên 4 tuần tuổi) nên dùng máng tôn diện tích 2 cm²/con.

Máng ăn phải để trong chuồng tránh mưa và sương làm mốc thức ăn, nếu nuôi nhốt trên vườn cây phải để máng ăn ở vị trí cố định và phải có mái che mưa.

che nắng. Thường xuyên thu dọn, vệ sinh sân bãi, định kỳ tiêu độc, khử trùng khu vực chăn nuôi.

- Máng uống: Máng uống có thể sử dụng ống tre, thau nhựa... diện tích máng uống giai đoạn đầu (0 - 4 tuần tuổi) $0,6 \text{ cm}^2/\text{con}$, giai đoạn sau (trên 4 tuần tuổi) diện tích $1,25 \text{ cm}^2/\text{con}$.

c) Chuẩn bị chuồng nuôi

Trước khi đưa vịt, ngan về nuôi phải dọn sạch chuồng, nền chuồng, tường, lưới. Phải quét vôi nền chuồng và xung quanh tường cao 0,8 - 1 m.

Sau khi chuồng khô rải độn chuồng (đảm bảo không bị nấm, mốc) và xông bằng Formal 3% hoặc dùng crezin phun toàn bộ xung quanh bên trong và bên ngoài chuồng nuôi.

Rửa máng ăn, máng uống sạch sẽ sau đó ngâm vào dung dịch Formal (0,3 - 0,4%) rồi để khô.

Chuẩn bị dụng cụ thấp sáng và sưởi ấm cho vịt, ngan giai đoạn nhỏ như bóng điện, chụp sưởi những nơi không có điện phải sử dụng đèn dầu hoặc bếp than. Để đảm bảo cho vịt, ngan con khoẻ mạnh nhiệt độ chuồng nuôi vịt, ngan từ 1 - 3 ngày tuổi từ $30 - 32^{\circ}\text{C}$, từ ngày thứ 4 mỗi ngày giảm 1°C cho tới khi đạt 20°C .

Nhiệt độ chuồng nuôi đo ở độ cao phía trên đầu vịt. Trung bình cứ 1 bóng điện 75W cho 60 - 70 vịt, ngan con.

Nuôi nhốt kết hợp chăn thả phải chuẩn bị lưới hoặc cót để quây vịt, ngan.

Đến giai đoạn sinh sản phải chuẩn bị ổ đẻ cho vịt, ngan. Ổ cho vịt, ngan đẻ có thể làm bằng gỗ kích thước 35 cm x 35 cm x 35 cm hoặc làm bằng sào tre lót rơm, rạ hoặc quận tròn bằng rơm.

d) Phương thức chăn nuôi vịt, ngan trong nông hộ:

* Chăn nuôi vịt, ngan nhốt trên khô không cần nước bơi lội

- Phương thức nuôi vịt, ngan nhốt trong chuồng

Đây là phương thức nuôi vịt, ngan trên nền chuồng hoặc nuôi trên sàn chuồng nhưng cần đảm bảo độ thông thoáng tốt để không làm ảnh hưởng đến điều kiện tiểu khí hậu chuồng nuôi. Những vị trí đặt máng uống phải thoát nước nhanh vì khi vịt, ngan uống hay vấy nước ra chuồng. Có hố chứa nước thải khi vệ sinh chuồng trại, sau đó phải được xử lý.

- Phương thức nuôi vịt, ngan nhốt trong chuồng có sân chơi

Khi nuôi vịt, ngan nhốt trong chuồng cần có sân chơi lát xi măng, cát hoặc lát gạch để hàng ngày tiện cho việc rửa và làm vệ sinh. Diện tích sân chơi gấp 2 - 3 lần diện tích chuồng nuôi.

Máng ăn để trong chuồng nuôi, máng uống để ngoài sân chơi. Mùa hè phải có bóng râm hoặc che nắng cho máng uống.

Hàng ngày phải rửa sạch sẽ sân chơi, đặc biệt đối với vịt, ngan sinh sản khi giao phối trên khô, nếu sân chơi không sạch, sẽ làm nhiễm trùng gai giao cấu của con đực:

- Nuôi vịt, ngan trong vườn cây

Khi nuôi nhốt vịt, ngan trong vườn cây phải lưu ý: Không nuôi nhốt vịt, ngan trong vườn cây thân mềm vì sẽ làm hỏng cây. Phải có rào chắn để quây vịt, ngan.

ngan trong một khu vực, vườn cây phải có độ dốc thích hợp để không bị đọng nước khi trời mưa làm mất vệ sinh. Vườn cây cũng không được dốc quá làm khó khăn cho việc đi lại của vịt, ngan và đặc biệt vịt, ngan sinh sản sẽ khó khăn trong việc giao phối.

Vườn cây phải có độ cao phù hợp (trên 1 m), nếu cây thấp quá, vịt, ngan làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây đặc biệt làm hỏng chồi và lá cây.

* Phương thức nuôi nhốt vịt, ngan có nước bơi lội

Không thả vịt, ngan ra ao hồ, cũng không nuôi nhốt vịt, ngan trên sông suối sẽ gây ô nhiễm môi trường và không an toàn dịch bệnh. Chỉ nên quây nhốt vịt, ngan trên ao hoặc quây nhốt vịt, ngan trong ruộng lúa ở khu vực cố định, không thả chạy đồng tự do.

- Phương thức chăn nuôi vịt, ngan nhốt trên ao

Có thể làm chuồng nền trên bờ ao hoặc làm chuồng sàn trên mặt ao. Với phương thức chăn nuôi kết hợp này, nguồn phân của vịt, ngan thải ra và thức ăn thừa của vịt, ngan là thức ăn cho cá. Vịt, ngan bơi lội làm tăng lượng oxy trong nước giúp cho cá hô hấp tốt hơn. Vịt, ngan ăn cá nhỏ cho nên không thả vịt, ngan vào ao cá giống. Vịt, ngan mò có thể làm lở bờ ao do đó phải ngăn bờ ao bằng phen hoặc lưới cách bờ 1 m. Vịt, ngan cũng có thể làm ảnh hưởng đến môi trường nước, do đó phải có diện tích mặt nước chăn thả phù hợp, mỗi con vịt, ngan cần 4 - 5 m² mặt nước hồ ao.

- Phương thức nuôi vịt, ngan nhốt trong ruộng lúa

Phải nhốt vịt, ngan cố định ở những khu ruộng lúa, không được thả tự do. Nguồn phân của vịt, ngan thải ra làm thức ăn cho lúa. Vịt, ngan khi mò tìm kiếm thức ăn có tác dụng sục bùn và làm sạch cỏ cho lúa. Vịt, ngan ăn sâu bọ côn trùng, đuổi chuột. Tuy vậy, không nên thả vịt, ngan vào ruộng lúa trước khi lúa bén rễ hoặc khi lúa đã trở bông vì vịt, ngan có thể làm hỏng lúa mới cấy hoặc ăn thóc. Phải đảm bảo diện tích 8 - 10 m²/con khi nuôi nhốt vịt, ngan trên ruộng lúa.

III. KỸ THUẬT CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG VỊT, NGAN

1. Chọn giống

Ngoại hình: Chọn những con có màu lông đặc trưng của giống, ngoại hình cân đối nhanh nhẹn, chân thẳng, không vẹo đuôi, không gù lưng, đối với vịt chuyên thịt và ngan ngực nở sâu, dáng đi chắc chắn, thân hình song song với mặt đất. Đối với vịt chuyên trứng mình thon, đầu nhỏ, cổ dài.

Trong quá trình chọn lọc vịt, ngan để nuôi tùy theo mục đích chăn nuôi, có thể chọn giống ở 3 giai đoạn :

a) Chọn ở 1 ngày tuổi:

Chọn con giống khỏe mạnh, nhanh nhẹn, lông bông, khối lượng vừa phải và có màu lông đặc trưng của giống.

Vịt CVSuper M, M2, M2 cải tiến (M 2(i)) và vịt M14 thường có màu lông vàng cam nhạt, chân và mỏ đều màu vàng.

Vịt CV2000, START 13: Lông, mỏ, chân màu vàng nhạt.

Vịt Khaki Campbell: Lông có màu kaki, mỏ và chân xám đen.

Ngan R31 lông màu vàng có phớt đen ở đuôi và xám mỏ.

Ngan R51, R71: Lông màu vàng chanh hoặc vàng chanh có đốm đầu, chân và mỏ màu vàng nhạt.

b) Chọn vịt, ngan hậu bị:

Căn cứ vào tầm vóc và ngoại hình của từng giống, hướng sản xuất, kết hợp với khối lượng để chọn vịt, ngan nuôi hậu bị.

Vịt, ngan trong giai đoạn hậu bị có khối lượng chuẩn cho từng giống như sau:

Tuần tuổi	Vịt CV Super M (kg/con)	Vịt CV 2000 và vịt kiêm dụng (kg/con)	Vịt Khaki Campbell (kg/con)	Vịt Cỏ (kg/con)	Ngan pháp	
					Trống (Kg/con)	Mái (Kg/con)
10	2,1 - 2,2	-	-	-	-	-
12	2,2 - 2,3	1,45 - 1,55	1,2 - 1,3	1,2 - 1,3	3,3 - 3,6	1,8 - 2,0
16	2,4 - 2,5	1,6 - 1,7	1,3 - 1,4	1,3 - 1,4	3,6 - 3,8	2,0 - 2,1
19	-	-	1,4 - 1,6	1,4 - 1,5	-	-
20	2,6 - 2,7	1,7 - 1,8	1,6 - 1,8	1,5 - 1,6	3,9 - 4,2	2,1 - 2,3
22		1,8 - 2,0	-	-	-	-
24	2,8 - 3,2	-	-	-	4,2 - 4,5	2,4 - 2,5

Trước khi kết thúc giai đoạn vịt, ngan hậu bị 2 tuần tiến hành chọn lọc giống thông qua ngoại hình và tiêu chuẩn khối lượng chọn tương tự giai đoạn kết thúc 8 tuần tuổi, chỉ đưa những con đạt tiêu chuẩn giống vào đàn sinh sản.

c) Chọn vịt, ngan nuôi sinh sản

Trước khi vịt, ngan vào đẻ 2 tuần, căn cứ vào ngoại hình của từng giống và khối lượng để chọn vịt, ngan nuôi sinh sản:

Vịt CV Super M, M2, M2 (i) đạt khối lượng 2,7 - 3,2 kg/con.

Vịt chuyên thịt M14: khối lượng đạt 2,7 - 3,0 kg/con.

Vịt CV2000 và vịt kiêm dụng: khối lượng 1,7 - 1,8 kg/con.

Vịt START 13: khối lượng 2,2 - 2,4 kg/con.

Vịt Khaki Campbell: khối lượng 1,4 - 1,6 kg/con.

Vịt cỏ: khối lượng 1,2 - 1,4 kg/con.

Ngan Pháp: khối lượng 2,3 - 2,5 kg/con mái; 4,0 - 4,5 kg/con trống.

Tỷ lệ chọn giai đoạn này đạt khoảng 90%.

Trong thời gian vịt, ngan sinh sản phải loại bỏ những con vịt, ngan mái thay lông quá sớm hoặc căn cứ vào màu mỏ và chân để loại những con vịt đẻ kém (vịt đẻ kém thường là những con có mỏ và chân vàng hơn những con vịt mái đẻ tốt).

2. Chăm sóc, nuôi dưỡng

a) Giai đoạn nuôi vịt, ngan từ 1 - 8 tuần tuổi

* Nhiệt độ: Chuồng nuôi úm vịt, ngan trong 03 ngày đầu nhiệt độ 28 - 32°C, từ ngày thứ 4 trở đi mỗi ngày giảm 1°C cho đến khi nhiệt độ chuồng nuôi đạt 20 - 25°C, nếu vịt, ngan chụm lại một chỗ gần nguồn nhiệt thì nhiệt độ chưa đủ, nếu vịt, ngan tản xa thì nhiệt độ quá cao.

Sử dụng bóng điện, chup sưởi nếu không có bóng điện có thể dùng đèn dầu, bếp than, củi để sưởi ấm cho vịt, ngan.

* Ẩm độ không khí: Ẩm độ không khí thích hợp cho vịt, ngan là 60 - 70 %.

* Ánh sáng: Ánh sáng có tác dụng diệt khuẩn, tạo vitamin D, tăng cường hấp thu canxi, kích thích quá trình sinh trưởng của vịt, ngan. Vì vậy chuồng nuôi, sân bãi cần thả cần đủ ánh sáng chiếu vào. Đối với vịt, ngan 2 tuần đầu chiếu sáng 24 giờ/ngày sau đó giảm xuống 18 giờ/ngày, từ ngày thứ 28 trở đi ban ngày sử dụng ánh sáng tự nhiên.

* Kiểm tra đàn vịt, ngan: Trạng thái của đàn vịt, ngan con cho phép ta đánh giá về sức khỏe của chúng: Vịt, ngan con phân tán đều khắp chuồng chứng tỏ đàn khỏe mạnh, thoải mái, nhiệt độ trong chuồng đạt yêu cầu; Vịt, ngan con dồn đông là do lạnh, nhiệt độ chuồng nuôi thấp; Vịt, ngan con nằm há mỏ, cánh dơ lên là do nhiệt độ chuồng nuôi quá cao; Vịt, ngan con nằm ở một khu vực nhất định là chắc chắn bị gió lùa; Vịt, ngan con bị bết dính là do chuồng ẩm, chế độ nuôi dưỡng kém

Cần kiểm tra sức khỏe đàn vịt, ngan con hàng ngày để điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm cho phù hợp. Nếu có những con ốm, yếu cần loại ngay ra khỏi đàn, khi vịt, ngan con biếng ăn, uống, phân thay đổi phải báo ngay cho thú y kịp thời điều trị.

* Các loại thức ăn

Thức ăn đóng vai trò quan trọng để sản xuất sản phẩm có năng suất cao và an toàn, thức ăn thường chiếm 70% giá thành chăn nuôi. Việc sử dụng thức ăn trên nguyên tắc phải đảm bảo đủ nhu cầu dinh dưỡng theo giống, theo lứa tuổi của vịt, ngan.

Đối với vịt, ngan ở giai đoạn 1 - 3 tuần tuổi: Nên dùng thức ăn hỗn hợp dạng viên hoặc gạo nấu thành cơm trộn với thức ăn giàu đạm cho vịt ăn. Tỷ lệ đạm trong khẩu phần thức ăn cho vịt, ngan giai đoạn này từ 20 - 22 %. Sau 3 tuần có thể cho vịt, ngan ăn tấm, ngô, gạo lứt, thóc lứt, đỗ tương, khô đỗ tương, cám gạo, bột cá nhạt, bột máu, bột đầu tôm, premix VTM, khoáng hoặc dùng cơm, tấm, ngô, gạo lứt, thóc lứt, thóc sống...trộn với thức ăn đậm đặc hoặc thức ăn đậm tươi như: Tôm, tép, cua, ốc, giun đất, don...

Lưu ý: Chỉ sử dụng các loại thức ăn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp cho từng giống vịt, ngan và từng giai đoạn. Không sử dụng thức ăn hỏng, mốc...

* Định lượng thức ăn

Đối với vịt, ngan giống nuôi sinh sản thì phải cho ăn theo định lượng và cho ăn theo bữa: 4 tuần đầu cho ăn 4 bữa/ngày; từ 5 - 8 tuần cho ăn 2 bữa/ngày, sau đó chỉ cho ăn một lần hết lượng thức ăn trong ngày để mọi con có thể được ăn lượng thức ăn theo tiêu chuẩn tạo sự đồng đều của cả đàn cao. Khi vịt, ngan được 6 tuần tuổi tiến hành cắt mỏ, chú ý không cắt mỏ quá sâu.

Trong quá trình nuôi vịt, ngan giống sinh sản, phải định kỳ kiểm tra khối lượng cơ thể, nếu thấy khối lượng cơ thể chưa phù hợp với tiêu chuẩn thì phải điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp. Khối lượng cơ thể đến 4 tuần tuổi phù hợp cho từng giống như sau: Vịt CV Super M trung bình 0,9 - 1,0 kg/con; vịt CV 2000 và vịt kiêm dụng trung bình 0,5 - 0,6 kg/con; vịt Khaki Campbell trung bình 0,45 - 0,55 kg/con. Ngan trung bình 0,7 - 0,8kg/con mái; 1,1 - 1,2 kg/con đực.

Nếu có hiện tượng cắn mổ nhau thì phải cân đối khẩu phần ăn cho phù hợp, giãn mật độ nuôi, bổ sung vitamin, rau xanh.

Đối với vịt, ngan nuôi thương phẩm thì cho ăn tự do, càng ăn nhiều thì càng lớn nhanh. Vịt, ngan nuôi sinh sản phải thực hiện chế độ định lượng thức ăn để khống chế khối lượng cơ thể theo tiêu chuẩn thì khả năng sinh sản về sau mới cho năng suất cao.

Tiêu chuẩn ăn cho vịt, ngan nuôi thịt và sinh sản: (*thực hiện theo phụ biểu 02*).

Khối lượng thức ăn cho vịt, ngan nuôi thịt: (*thực hiện theo phụ lục 03*).

Khối lượng thức ăn cho vịt, ngan sinh sản giai đoạn từ 1 - 3 tuần tuổi: (*thực hiện theo phụ lục 04*).

* Nước uống: Nước sử dụng cho vịt, ngan uống phải sạch và đầy đủ, không để đọng nước trong khu chăn nuôi, không cho vịt, ngan uống nước bẩn. Nhu cầu nước uống trung bình như sau: 1 - 7 ngày tuổi 120 ml/con/ngày; 8 - 14 ngày tuổi 250ml/con/ngày; 15 - 28 ngày tuổi 350 ml/con/ngày; từ 5 - 8 tuần cần 0,4 - 0,6 lít/con/ngày.

Lưu ý: Tuần tuổi thứ nhất không cho uống nước lạnh dưới 10⁰ C, tuần thứ 2 và thứ 3 không cho uống nước lạnh dưới 6⁰ C và cũng cần hạn chế vịt, ngan uống nước trên 25⁰ C.

b) Giai đoạn nuôi vịt, ngan hậu bị

Giai đoạn hậu bị (từ 9 tuần tuổi đến khi bắt đầu đẻ): Vịt chuyên thịt 9 - 24 tuần; vịt chuyên trứng và kiêm dụng 9 - 19 tuần; ngan 9 - 25 tuần.

* Thức ăn: Giai đoạn vịt, ngan hậu bị cho ăn hạn chế về số lượng. Về chất lượng thức ăn, đảm bảo tỷ lệ đạm đạt 15 %, kết hợp chăm sóc nuôi dưỡng sao cho đạt khối lượng ở mức yêu cầu của giống để đảm bảo có năng suất đẻ trứng cao trong giai đoạn sinh sản.

Khối lượng thức ăn cho vịt, ngan sinh sản giai đoạn hậu bị (*Thực hiện theo phụ lục 05*).

* Nước uống: Cần cung cấp đầy đủ nước sạch theo nhu cầu cho vịt, ngan (khoảng 0,5 - 0,6 lít/con/ngày).

* Chăm sóc nuôi dưỡng: Giai đoạn hậu bị cho ăn hạn chế về số lượng. Thức ăn hàng ngày chỉ đổ 1 lần hết lượng thức ăn, cho tất cả vịt, ngan trong đàn đều được ăn giống nhau. Nếu cho ăn thêm rau xanh thì cho ăn rau sau khi cho ăn thức ăn tinh. Định kỳ kiểm tra khối lượng để điều chỉnh thức ăn cho vịt, ngan có khối lượng phù hợp với từng giống.

Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống cho ngan, vịt và kiểm tra sức khỏe đàn giống hàng ngày, khi đàn vịt, ngan có biểu hiện khác thường phải báo ngay cho cơ quan thú y để có biện pháp điều trị kịp thời.

3. Giai đoạn sinh sản

* Thức ăn: Trước khi vịt, ngan đẻ 2 tuần chuyển từ thức ăn hậu bị sang thức ăn vịt, ngan đẻ và tăng thức ăn 10%, khi vịt, ngan đẻ quả trứng đầu tiên tăng lượng thức ăn lên 15 %. Giai đoạn này phải đảm bảo tỷ lệ đạm từ 17 - 18,5 %.

Chú ý: đổ thức ăn làm nhiều lần trong ngày (2 - 3 lần) để thức ăn không bị tồn đọng ở máng ăn.

* Nước uống: Nhu cầu nước uống giai đoạn sinh sản từ 0,6 - 0,7 lít/con/ngày. Mùa hè phải che máng uống, tránh để vịt, ngan uống nước nóng, thường xuyên thay nước uống cho vịt, ngan.

* Thu nhật trứng: Vịt, ngan đẻ tập trung vào thời gian 3 - 5 giờ hàng ngày, vì vậy thu nhật trứng vào buổi sáng từ 6 - 7 giờ. Sau khi nhật trứng nếu trứng bẩn phải rửa bằng Focomon 0,9%. Trứng để ấp được đưa vào bảo quản ở kho lạnh. Nếu không có kho lạnh thì bảo quản bằng than hoa.

IV. VỆ SINH THÚ Y VÀ PHÒNG BỆNH CHO VỊT, NGAN

1. Vệ sinh thú y

- Vệ sinh chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

Thường xuyên phát quang cỏ dại, quét dọn phân, thay lớp độn chuồng, định kỳ vệ sinh tiêu độc khử trùng, tiêu diệt mầm bệnh. Nước ao, hồ thải ra phải được xử lý trước khi đưa ra ngoài.

Thực hiện đầy đủ công tác phòng trừ dịch bệnh theo đúng quy định. Chuồng nuôi có chu kỳ luân chuyển hàng năm để có thời gian xử lý và trống chuồng. Vịt, ngan nhập về phải nuôi cách ly theo dõi tối thiểu là 15 - 20 ngày.

- Thường xuyên kiểm tra, loại thải vịt, ngan ốm, bệnh, xác chết cần đưa ra khỏi khu vực chăn nuôi và xử lý.

- Thực hiện việc phun thuốc khử trùng định kỳ trong chuồng nuôi và xung quanh khu vực chăn nuôi 1 lần/tuần. Chẩn đoán điều trị ngay mỗi khi vịt, ngan bị bệnh. Bao vây, khống chế, tiêu huỷ ngay đàn tại khu vực nếu là bệnh nguy hiểm.

- Vệ sinh thức ăn, nước uống

Thức ăn: Đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng khẩu phần theo tiêu chuẩn. Không cho vịt ngan ăn thức ăn ôi, thức ăn bị nhiễm nấm mốc, chứa nhiều độc tố của nấm mốc. Không dùng các loại thức ăn có hàm lượng muối cao.

Nước uống: Nước uống phải sạch sẽ, không dùng nước đục, nước ao, hồ tù đọng, nước giếng có hàm lượng sắt cao. Có thể sử dụng thuốc tím 0,5 ‰ (5 gam cho 10 lít nước) để khử trùng nước uống cho vịt, ngan hoặc Cloramin 1‰ (10 gam cho 10 lít nước) hoặc dùng Anolit; Catolit để sát trùng nước thường xuyên cho vịt, ngan uống.

- Vệ sinh sau từng đợt chăn nuôi

Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh cọ rửa sạch sẽ và khử trùng tiêu độc. Sau mỗi chu kỳ nuôi phải rửa sạch máng ăn, máng uống, lò sưởi, cút quây và để trống chuồng tối thiểu 15 ngày... sau đó sát trùng bằng vôi bột, Formol, Crezil, để chuẩn bị chu kỳ nuôi tiếp theo.

2. Phòng bệnh cho vịt, ngan

- Thực hiện tiêm phòng các bệnh cần thiết theo quy định của thú y và dùng thuốc phòng bắt buộc theo quy trình phòng bệnh cho từng loại vịt, ngan.

- Lịch phòng bệnh cho vịt

Ngày tuổi	Vắc xin, thuốc kháng sinh và cách dùng
1 - 3	Phòng bệnh nhiễm trùng rốn, các loại bệnh đường ruột và chống các Stress bằng các loại kháng sinh như Ampi-Coly, Tetracycline, Streptomycin, Neox, Neotesol... Bổ sung vitamin như: B1, Bcomplex, ADE hay dầu cá.
15 - 18	- Tiêm phòng vắc xin Dịch tả vịt lần 1 tiêm dưới da (cổ hay cánh) - Phòng vắc xin H5N1 lần 1. - Bổ sung vitamin và kháng sinh phòng bệnh và chống stress sau tiêm phòng
28 - 46	- Phòng bệnh Ecoli, Phó thương hàn vịt bằng các loại kháng sinh: Sulfamid và bổ sung vitamin.

	- Có thể tiêm phòng vắc xin Tụ huyết trùng vịt. - Phòng vắc xin H5N1 lần 2.
56 - 60	Tiêm phòng Dịch tả vịt lần 2.
70 - 120	Phòng bệnh bằng kháng sinh, bổ sung vitamin theo định kỳ 1 - 2 tháng/lần liệu trình 3 - 5 ngày.
135 - 185	- Tiêm vắc xin Dịch tả lần 3. - Tiêm bổ sung vitamin và kháng sinh phòng bệnh định kỳ 1 - 2 tháng/lần liệu trình 3 - 5 ngày trong thời kỳ đẻ trứng.
210 - 220	Tiêm phòng vắc xin H5N1 lần 3.
Sau khi đẻ 5 - 6 tháng	- Tiêm phòng nhắc lại vắc xin Dịch tả vịt lần 4. - Phòng bệnh bằng kháng sinh định kỳ 1 - 2 tháng/lần.

- Lịch phòng bệnh cho ngan

Ngày tuổi	Vắc xin, thuốc kháng sinh và cách dùng
1 - 3	Phòng bệnh nhiễm trùng rốn, các loại bệnh đường ruột và chống các Stress bằng các loại kháng sinh như Ampicoly, Tetracycline, Streptomycin, Neox, Neotesol. Bổ sung vitamin như: B1, Bcomplex, ADE hay dầu cá.
18 - 25	- Tiêm phòng vắc xin Dịch tả vịt lần 1 tiêm dưới da (cổ hay cánh) - Phòng vắc xin H5N1 lần 1. - Bổ sung vitamin và kháng sinh phòng bệnh và chống stress sau tiêm phòng
28 - 46	- Phòng bệnh Ecoli, Tụ huyết trùng, Phó thương hàn vịt bằng các loại kháng sinh: Sulfamid và bổ sung vitamin.
56 - 60	Tiêm phòng Dịch tả vịt lần 2.
70 - 120	Phòng bệnh bằng kháng sinh, bổ sung vitamin theo định kỳ 1 - 2 tháng/lần liệu trình 3 - 5 ngày.
180 - 190	- Tiêm vắc xin Dịch tả lần 3. - Tiêm bổ sung vitamin và kháng sinh phòng bệnh định kỳ 1 - 2 tháng/lần liệu trình 3 - 5 ngày trong thời kỳ đẻ trứng.
Sau khi đẻ 5 - 6 tháng	- Tiêm phòng nhắc lại vắc xin Dịch tả vịt lần 4. - Phòng bệnh bằng kháng sinh định kỳ 1 - 2 tháng/lần.

Trên đây là hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi vịt, ngan đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì cần điều chỉnh, bổ sung, đề nghị các đơn vị tham gia ý kiến gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp. /*xy*

Nơi nhận: *H*

- Phòng NN và PTNT các huyện;
 - Phòng Kinh tế thị xã;
 - Trung tâm Khuyến nông;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, CN.
- (thực hiện)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Mai

PHỤ LỤC 01. MỘT SỐ CHỈ TIÊU SINH SẢN CỦA VỊT, NGAN

STT	Giống	Tiêu tốn thức ăn/ kg tăng trọng (kg)	Khả năng tăng trọng	Tuổi đẻ (ngày)	Khối lượng vịt sinh sản (kg/con)	Sản lượng trứng (quả/mái/năm)	Khối lượng trứng (g/quả)	Tỷ lệ trống/mái (con)
A	GIỐNG VỊT							
I	Giống vịt chuyên thịt							
1	CV.Super M, M2, M2 cải tiến	2,6 - 2,8	56 - 70 ngày tuổi đạt 3 - 3,4 kg	175	2,7 - 3,2	180 - 220	65 - 70	1/5
2	M14	2,6 - 2,8	56 - 70 ngày tuổi đạt 3 - 3,2 kg	168	2,7 - 3,0	200 - 220	65 - 70	1/5
II	Giống vịt chuyên trứng							
1	Giống vịt cỏ			140 - 147	1,2 - 1,4	220-230	60-65	1/8
2	Khaki cambell			140 - 147	1,4 - 1,6	260 - 300	65 - 70	1/7
3	CV2000			140 - 154	1,8 - 2,0	260 - 300	70 - 75	1/7
4	Star 13			168	2,2 - 2,4	230 - 240	75 - 80	1/7
III	Giống kiêm dụng							
1	Giống vịt bầu			154 - 161	2,0 - 2,2	150 - 160	70 - 75	1/6
2	Giống vịt đốm (pất lòi)			154 - 161	1,8 - 2,3	150 - 180	65 - 70	1/6
B	GIỐNG NGAN							
1	Ngan pháp							
-	R31	2,8-2,9	84 ngày tuổi con trống đạt 4,8 - 5,1 kg; con mái 2,6-2,75 kg	26 - 28	2,7 - 2,8	160 - 180	75 - 80	1/5
-	R51	2,7-2,8	84 ngày tuổi con trống đạt 4,3 - 4,5kg; con mái 2,2 - 2,4 kg	26 - 28	2,2 - 2,6	170 - 190	75 - 80	1/5
-	R71	2,7-2,8	84 ngày tuổi con trống đạt 4,7 - 4,9kg; con mái 2,5 - 2,7	26 - 28	2,6 - 2,8	170 - 190	75 - 80	1/5
2	Ngan nội		120 ngày con trống đạt 2,8 - 2,9; con mái 1,7 - 1,75 kg	27 - 28	1,8 - 2,2	65 - 70	70 - 75	1/5
3	Ngan sen		120 ngày con trống đạt 2,8 - 2,9; con mái 1,7 - 1,8	27 - 28	1,8 - 2,2	65	70 - 75	1/5

Phụ lục 02: Tiêu chuẩn thức ăn cho vịt, ngan

Giai đoạn	1 - 8 tuần tuổi	Giai đoạn hậu bị	Giai đoạn đẻ đẻ và đẻ
Vịt chuyên thịt			
Protein (%)	20,0 - 22,0	15,0 - 15,5	18,5 - 19,5
Năng lượng (kcal)	2800 - 2900	2800 - 2900	2650 - 2700
Vịt chuyên trứng và kiêm dụng			
Protein (%)	18,0 - 20,0	14,0 - 15,0	17,0 - 18,0
Năng lượng (kcal)	2800 - 2900	2750 - 2850	2650 - 2700
Ngan			
Protein (%)	19 - 20	15,0 - 15,5	17,5 - 18,5
Năng lượng (kcal)	2800 - 2900	2800 - 2900	2650 - 2700

Phụ lục 03. Khối lượng thức ăn cho vịt, ngan nuôi thịt

Tuổi vịt (tuần)	Con đực		Con mái	
	Khối lượng vịt, ngan (g)	Khối lượng TĂ (gam/con/ngày)	Khối lượng vịt, ngan (g)	Khối lượng TĂ (gam/con/ngày)
Tuần thứ 1	20	20	180	17
Tuần thứ 2	390	45	390	39
Tuần thứ 3	710	79	600	62
Tuần thứ 4	1160	128	900	109
Tuần thứ 5	1740	178	1280	138
Tuần thứ 6	2310	181	2690	146
Tuần thứ 7	2860	208	2600	141
Tuần thứ 8	3360	221	2290	122
Tuần thứ 9	3780	206	2460	118
Tuần thứ 10	4120	196	2570	112
Tuần thứ 11	4390	191	-	-
Tuần thứ 12	4000	176	-	-
Tuần thứ 13	4720	156	-	-

82

Phụ lục 04. Khối lượng thức ăn cho vịt, ngan sinh sản
(giai đoạn từ 1 - 3 tuần tuổi)

Ngày tuổi	Lượng thức ăn (g/con)	Ngày tuổi	Lượng thức ăn (g/con)
1	3,5	12	42
2	7,0	13	45,5
3	10,5	14	49,5
4	14,0	15	52,5
5	17,5	16	56,0
6	21,0	17	59,5
7	24,5	18	62,0
8	28,0	19	66,5
9	34,5	20	70,0
10	35,0	21	73,5
11	38,5	-	-

Phụ lục 05. Khối lượng thức ăn cho vịt, ngan sinh sản
(giai đoạn từ 4 - 24 tuần tuổi)

Tuần tuổi	Lượng thức ăn (g/con/ngày)
4 - 8	28 74
9 - 13	28 76
14 - 17	24 80
18 - 19	γ 100
20	γ 110
21	γ 120
22	γ 130
23	γ 140
24	γ 140